

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2025/DS-ST

Ngày: 13-8-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Trương Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1278/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số H khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: Số 82Đ/2 khu phố D, xã Đ, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Ngô Minh C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: Ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2.2. Bà Hồ Hoàng D, sinh năm 1995

Địa chỉ thường trú: C, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay là: Nay là: 363A, khu phố 1, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở: Ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nay là: Ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/5/2023, ông Ngô Minh C có vay của ông số tiền 412.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hạn 01 tháng trả gốc lãi. Cùng ngày 10/5/2023 ông Ngô Minh C tiếp tục vay thêm của ông số tiền là 350.000.000 đồng, hai bên cũng thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hạn 01 tháng trả gốc lãi. Khi vay hai bên có lập hai giấy mượn tiền cùng ngày 10/5/2023, chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay tại mục Bên B là của ông Ngô Minh C, các giấy vay tiền đều có chị của ông C là bà Trần Thị Thúy A chứng kiến. Khi vay vợ chồng ông C không có thể chấp cho ông bất kỳ tài sản gì.

Đến thời hạn trả nợ ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C trả nợ, nhưng hơn 01 năm nay, vợ chồng ông C vẫn không trả nợ cho ông, ông gọi điện thì không nghe máy, đến nhà thì không chịu gặp. Từ khi vay cho đến nay, vợ chồng ông C không trả bất kỳ số tiền gốc và lãi nào.

Ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ngô Minh C, bà Hồ Hoàng D liên đới trả lại cho ông số tiền gốc và lãi như sau: Tiền gốc là 762.000.000đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 10/5/2023 đến ngày 10/6/2023 với lãi suất 20%/năm là 12.964.000đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 10/6/2023 đến ngày 10/11/2024 là 323.720.000đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 1.098.000.000đồng. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Minh C trình bày:

Vợ ông là bà Hồ Hoàng D, hiện hôn nhân ông bà vẫn còn tồn tại. Bà Trần Thị Thúy A là chị của ông. Bà A là người ký tên làm chứng trong hai giấy mượn tiền.

Hai giấy mượn tiền cùng ngày 10/5/2023 đối với khoản vay 350.000.000đồng và 412.000.000đồng, lãi suất 3%, ông thừa nhận chữ ký, chữ viết “Ngô Minh C” và dấu lấn tay tại mục Bên B của hai giấy tay mượn tiền là của ông, tuy nhiên, ông không có vay và nhận các khoản tiền vay này, hai giấy tay vay tiền này là do ông T cộng dồn tiền gốc và lãi của khoản vay năm 2022 đối với số tiền 100.000.000đồng và buộc ông ký tên xác nhận.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc vợ chồng ông phải liên đới trả lại cho ông số tiền gốc và lãi là 1.098.000.000đồng, ông không đồng ý. Ông cộng gốc và lãi đối với tiền nợ 100.000.000đồng ông đã vay đến thời điểm hiện tại thì ông chỉ đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 500.000.000đồng.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Để tạo điều kiện cho ông C trả nợ nên tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc vợ chồng ông C, bà D liên đới trả cho ông số tiền gốc vay là 762.000.000đồng và chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 10/5/2023 đến ngày 10/11/2024, với số tiền lãi là

137.160.000đồng. Tổng số tiền yêu cầu vợ chồng ông C, bà D liên đới trả cho ông là 899.160.000đồng, yêu cầu trả một lần. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Ngô Minh C trình bày: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông liên đới trả số tiền gốc và lãi là 899.160.000đồng thì ông đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang khó khăn nên ông xin được trả dần số tiền 899.160.000đồng, do ông chưa xin được việc làm, chưa có thu nhập nên ông chưa xác định được số tiền xin trả dần mỗi tháng cụ thể là bao nhiêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào giấy vay tiền, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông C xin trả dần số nợ nhưng không được ông T đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông C, bà D liên đới trả cho ông T một lần số tiền gốc và lãi là 899.160.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ngô Minh C, bà Hồ Hoàng D phải liên đới trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn ông Ngô Minh C, bà Hồ Hoàng D có địa chỉ cư trú tại xã Đ, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà D.

[1.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh T nộp văn bản về việc chấm dứt ủy quyền của bà Lê Thị H nên bà Lê Thị H không còn đại diện theo ủy quyền của ông

Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T phải tự mình tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng ông C, bà D liên đới trả cho ông số tiền gốc và lãi vay là 899.160.000đồng, nhận thấy việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Bị đơn ông Ngô Minh C thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay trên cả hai giấy mượn tiền ngày 10/5/2023 là của ông. Theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Việc bị đơn cho rằng không nhận tiền vay mà chỉ ký để cộng gộp gốc và lãi của khoản nợ cũ 100.000.000đồng từ năm 2022 là ý kiến một phía, không có chứng cứ chứng minh. Ngược lại, nguyên đơn xuất trình được bản chính giấy vay tiền có đủ chữ ký, dấu lấn tay của bị đơn và người làm chứng, nên có căn cứ xác định giao dịch vay tiền giữa các bên đã được xác lập hợp pháp.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền gốc khi đến hạn và trả lãi theo thỏa thuận.

[2.2.1] Về nợ gốc: Theo hai giấy mượn tiền cùng ngày 10/5/2023, tổng số tiền vay là 762.000.000đồng, thời hạn vay tiền hai bên thỏa thuận trả tiền là 01 tháng, ngày vay tiền là ngày 10/5/2023, đến 10/6/2023 các khoản vay đã đến hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tiền cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2.2.2] Về nợ lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, nhận thấy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 10/5/2023 đến ngày 10/11/2024, với mức lãi suất 1 %/tháng nên tiền lãi được tính như sau: $762.000.000\text{đồng} \times 1 \text{ %/tháng} \times 18 \text{ tháng} = 137.160.000\text{đồng}$.

[2.2.3] Nhận thấy, nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 899.160.000đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Minh C cũng đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông C xin được trả dần số nợ trên nhưng yêu cầu này của ông C không được ông T đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về nghĩa vụ liên đới: Mặc dù giấy mượn tiền chỉ đứng tên ông C, nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông C và bà D, đương sự cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là khoản nợ riêng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu buộc liên đới nghĩa vụ của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ

chồng theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên ông C và bà D có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông T.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Hoàng D vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Bà đã được Tòa án triệu tập để tham phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bà D đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bà D phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Ngô Minh C, bà Hồ Hoàng D.

1. Buộc ông Ngô Minh C và bà Hồ Hoàng D phải liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 899.160.000đồng (tám trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó: tiền gốc vay là 762.000.000đồng (bảy trăm sáu mươi hai triệu đồng), tiền lãi vay là 137.160.000đồng (một trăm ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 899.160.000đồng (tám trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Ngô Minh C, bà Hồ Hoàng D phải liên đới chịu 38.974.800đồng (ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng) án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 22.470.000đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006982 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Tây Ninh).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng